

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: /QĐ-TCHQ
2317

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình quản lý nợ thuế và khoản thu khác
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư



số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 112/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình quản lý nợ thuế và khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1503/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy trình quản lý nợ thuế và khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Các trường hợp phát sinh vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Tổng cục Hải quan để xem xét điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *1000*

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *Ans*
- Bộ Tài chính (để b/c);
- LD Tổng cục Hải quan (để chỉ đạo);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK(3b). *1000*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Quản lý nợ thuế và khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2317/QĐ-TCHQ** ngày **24** tháng 10 năm 2022
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này hướng dẫn trình tự các bước thực hiện việc phân loại, theo dõi đầy đủ, đôn đốc thu hồi nợ kịp thời và xử lý các khoản tiền thuế và khoản thu khác của người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này được áp dụng cho cơ quan hải quan các cấp: Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục Hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan khi thực hiện các công việc liên quan đến quản lý nợ thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tiền thuế nợ là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định.

2. Hệ thống kế toán thuế tập trung là hệ thống chương trình ứng dụng công nghệ thông tin được quản lý, sử dụng thống nhất trong ngành Hải quan phục vụ công tác quản lý, theo dõi tình hình thu thuế và các khoản thu khác đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Hệ thống được thiết kế, xây dựng và vận hành dựa trên những quy định hiện hành của chế độ kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Công thông tin điện tử hải quan là công thông tin tích hợp giữa các hệ thống thông tin, ứng dụng và các dịch vụ liên quan đến nghiệp vụ hải quan.

4. Các chữ viết tắt trong Quy trình

a) Cục Thuế xuất nhập khẩu: Cục Thuế XNK.

b) Cục Kiểm tra sau thông quan: Cục KTSTQ.

c) Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố: Cục Hải quan.

d) Lãnh đạo Đội nghiệp vụ thuế: Lãnh đạo Đội.

đ) Chi cục Hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan: Chi cục Hải quan.

e) Ngân sách nhà nước: NSNN.

g) Hệ thống kế toán thuế tập trung: Hệ thống KTTTT.

h) Phạt vi phạm hành chính: Phạt VPHC.

Điều 4. Chỉ tiêu phân loại nợ

1. Tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN khi chưa hết thời hạn phải nộp theo quy định gồm tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN đang trong thời hạn bảo lãnh; tiền thuế của các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng trong tháng của doanh nghiệp ưu tiên; nợ của doanh nghiệp đang trong thời gian gia hạn, nộp dần; tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN của doanh nghiệp cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán; tiền phạt VPHC trong thời hạn thi hành quyết định.

2. Nhóm nợ có khả năng thu

Nhóm nợ có khả năng thu gồm tất cả các khoản nợ phát sinh (trừ các trường hợp có thông tin xác định phân loại nợ theo khoản 3, 4, 5 Điều này) sắp xếp theo tiêu chí:

a) Tiền thuế nợ quá hạn chưa quá 90 ngày: các khoản nợ thuế đã quá hạn từ 01 ngày đến 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế.

b) Tiền thuế nợ quá hạn quá 90 ngày: các khoản nợ thuế đã quá hạn quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế.

c) Nợ tiền phạt VPHC: khoản nợ phải nộp do quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hải quan hoặc quá thời hạn thi hành ghi trong quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hải quan.

d) Nợ tiền chậm nộp thuế: khoản nợ phải nộp do chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong quyết định ấn định thuế và văn bản xử lý về thuế của cơ quan có thẩm quyền.

d) Nợ tiền chậm nộp phạt VPHC: khoản nợ phải nộp do chậm nộp tiền phạt VPHC so với thời hạn quy định, thời hạn ghi trong quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hải quan.

e) Nợ phí, lệ phí: khoản nợ phí hải quan; lệ phí đối với hàng hóa quá cảnh, phương tiện vận tải quá cảnh.

3. Nhóm nợ khó thu

Các khoản nợ khó thu bao gồm:

a) Nợ của người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự chưa có đề nghị khoan nợ, hồ sơ đề nghị xóa nợ.

b) Nợ của người nộp thuế đang trong quá trình giải thể gồm: số tiền nợ của người nộp thuế đã thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp nhưng chưa thanh toán nợ theo quy định của pháp luật.

c) Nợ của người nộp thuế đang trong thời gian làm thủ tục phá sản gồm: số tiền nợ của người nộp thuế đã có quyết định phá sản doanh nghiệp hoặc đang trong thời gian làm thủ tục phá sản doanh nghiệp nhưng chưa làm các thủ tục xử lý nợ theo quy định của pháp luật (trường hợp chưa đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ).

d) Nợ của người nộp thuế đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự, thụ lý hoặc chờ kết luận của cơ quan pháp luật, chưa thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế.

đ) Nợ của người nộp thuế nhập khẩu linh kiện xe hai bánh gắn máy theo tỷ lệ nội địa hóa năm 2001, 2002.

e) Nợ của người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

g) Nợ khó thu khác: gồm các khoản tiền nợ quá hạn quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, không thuộc điểm a đến e khoản này, cơ quan hải quan đã áp dụng biện pháp cưỡng chế cuối cùng là đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo quy định tại Luật Quản lý thuế nhưng không thu hồi được tiền nợ (trường hợp chưa đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ).

4. Nhóm nợ được khoan

a) Nợ được khoan theo Luật Quản lý thuế: số tiền nợ của người nộp thuế đã được khoan nợ theo quy định tại Điều 83 Luật Quản lý thuế.

b) Nợ được khoan theo Nghị quyết số 94/2019/QH14: là số tiền nợ của người nộp thuế đã được khoan nợ theo quy định của Nghị quyết số 94/2019/QH14

ngày 26/11/2019 của Chính phủ về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

5. Nhóm nợ chờ xử lý

a) Nợ chờ miễn thuế, giảm thuế: là số tiền nợ của người nộp thuế thuộc đối tượng được xem xét miễn, giảm theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đã gửi hồ sơ, đang trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế. Trường hợp chưa gửi hồ sơ đến cấp có thẩm quyền xét duyệt thì không phân loại vào tiêu chí này.

b) Tiền thuế nợ đang khiếu nại: là số tiền thuế mà người nộp thuế phải nộp NSNN theo quy định nhưng người nộp thuế đã có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về số tiền thuế phải nộp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang trong giai đoạn giải quyết khiếu nại.

* Lưu ý: Trong quá trình đơn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ, trường hợp có thông tin làm thay đổi tính chất nợ thì công chức thực hiện phân loại nợ lại theo tiêu chí trên. Trình tự phân loại nợ thực hiện theo quy định tại Chương III Phần II Quy trình này.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I

LẬP HỒ SƠ, ĐƠN ĐỐC THU HỒI TIỀN THUẾ NỢ

Điều 5. Lập hồ sơ theo dõi nợ thuế

1. Trên cơ sở phát sinh tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN mà người nộp thuế phải nộp, Hệ thống KTTTT tự động theo dõi phân loại tiền thuế nợ vào nhóm có khả năng thu.

Trường hợp có căn cứ xác định người nộp thuế không nộp hoặc chưa nộp đủ tiền thuế nợ, cơ quan hải quan thực hiện đơn đốc, cưỡng chế thì lập hồ sơ theo dõi người nộp thuế.

2. Lập hồ sơ theo dõi nợ thuế

a) Công chức được phân công quản lý nợ thuế điền đầy đủ, chi tiết các thông tin vào Phiếu theo dõi hồ sơ nợ theo Mẫu số 01/HS Phụ lục I ban hành kèm theo Quy trình này.

Trường hợp hệ thống thiết lập hồ sơ theo dõi nợ thuế của người nộp thuế, các thông tin về người nộp thuế trong quá trình đôn đốc nợ thuế, các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế được cập nhật vào Hệ thống KTTTT.

b) Trong quá trình đôn đốc, áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ hoặc khi có thông tin về người nộp thuế, công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện lưu kèm hồ sơ theo dõi nợ các chứng từ ghi nhận số tiền thuế nợ (Thông báo tiền thuế nợ, Quyết định ấn định thuế, Quyết định phạt vi phạm hành chính...), biên bản làm việc cùng người nộp thuế có nợ/tổ chức bảo lãnh, tờ trình và các giấy tờ khác (nếu có) và cập nhật chứng từ vào Hệ thống KTTTT.

Điều 6. Trình tự thực hiện theo dõi, đôn đốc nợ quá hạn chưa quá 90 ngày

Bước 1: Lập Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu

Sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định, người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vào NSNN hoặc đã nộp nhưng số tiền tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu. Hệ thống gửi Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu cho người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh biết theo Mẫu số 01/TXNK Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 06 năm 2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp gửi thông báo bằng văn bản, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế 30 ngày, công chức được phân công quản lý nợ thuế dự thảo Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu theo Mẫu số 01/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC để gửi người nộp thuế/ tổ chức bảo lãnh.

Bước 2: Phê duyệt Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký duyệt Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu, công chức chuyển văn bản cho bộ phận văn thư để phát hành theo quy định về văn thư, lưu trữ.

Trường hợp thông báo được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc qua thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

3. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu đã phát hành kèm hồ sơ theo dõi nợ.

Bước 4: Theo dõi Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu

1. Khi người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh đã thực hiện nộp thuế, công chức cập nhật chứng từ nộp NSNN vào Hệ thống KTTTT và kết thúc hồ sơ theo dõi nợ thuế của người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh.

2. Quá thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ra Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu nếu người nộp thuế có nợ hoặc tổ chức bảo lãnh của người nộp thuế có nợ chưa nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) vào NSNN hoặc Thông báo bị trả lại thì công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện theo Điều 7 Quy trình này.

* Lưu ý: Trong trường hợp Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu bị trả lại hoặc người nộp thuế không nộp thuế thì căn cứ tình hình thực tế (vị trí địa lý, số tiền nợ) công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình đề xuất việc đến hoặc không đến làm việc trực tiếp tại trụ sở người nộp thuế.

Điều 7. Làm việc với người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc tại trụ sở của người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh

Bước 1: Lập giấy mời làm việc với người nộp thuế/tổ chức tín dụng

Công chức được phân công quản lý nợ thuế dự thảo Giấy mời theo Mẫu số 02/GM Phụ lục I ban hành kèm theo Quy trình này trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ duyệt ký Giấy mời mời người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh hoặc người đại diện pháp luật của người nộp thuế có tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ đến làm việc tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc Thông báo đến làm việc tại trụ sở của người nộp thuế còn nợ, trụ sở của tổ chức bảo lãnh.

Bước 2: Phê duyệt Giấy mời

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký duyệt Giấy mời.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Giấy mời, công chức được phân công quản lý nợ thuế chuyển bộ phận văn thư để phát hành Giấy mời theo quy định.

Trường hợp Giấy mời được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc qua thư điện tử



của người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế còn nợ.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Giấy mời đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

* Lưu ý: Trong trường hợp Giấy mời bị trả lại hoặc người nộp thuế không nộp thuế thì căn cứ tình hình thực tế (vị trí địa lý, số tiền nợ) công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình đến hoặc không đến làm việc trực tiếp tại trụ sở người nộp thuế.

Bước 4: Làm việc với người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh

1. Chuẩn bị hồ sơ

Công chức được phân công quản lý nợ thuế chuẩn bị toàn bộ hồ sơ theo dõi tiền thuế nợ, Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu, Giấy mời để làm việc với người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh.

2. Làm việc tại trụ sở cơ quan hải quan

Công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện:

a) Thông báo cho người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh về số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ.

b) Thông báo cho người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh các căn cứ, quy định của pháp luật có liên quan; thông báo các hình thức xử lý trong trường hợp nếu không nộp thuế đúng thời hạn thì phải nộp tiền chậm nộp và cơ quan hải quan sẽ thực hiện: thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định, từ chối thư bảo lãnh trên phạm vi toàn quốc (đối với các tổ chức bảo lãnh của người nộp thuế có nợ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế như đã cam kết).

c) Yêu cầu người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh thực hiện việc nộp tiền thuế nợ, tiền chậm nộp và tiền phạt vào NSNN.

d) Trường hợp người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh xác nhận nợ thuế, cam kết trả nợ thuế và cùng ký tên trên Biên bản làm việc; công chức được phân công quản lý nợ lập Biên bản làm việc theo Mẫu số 03/BB Phụ lục I ban hành kèm theo Quy trình này. Nội dung biên bản làm việc thể hiện việc người nộp thuế có nợ/tổ chức bảo lãnh cam kết trả nợ thuế trong thời gian cụ thể. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Người có thẩm quyền ký là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế (quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc

người được ủy quyền theo quy định của pháp luật) hoặc là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh không đồng ý ký tên trên Biên bản làm việc, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập thông báo nội dung tại buổi làm việc và ghi nhận vào biên bản làm việc.

d) Theo dõi tiến độ nộp tiền thuế nợ

Khi người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh đã nộp thuế, tiền chậm nộp, công chức kiểm tra, in kết quả đã nộp thuế trên Hệ thống KTTTT, báo cáo Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ và lưu vào Hồ sơ của người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh đã nộp NSNN.

3. Làm việc tại trụ sở của người nộp thuế, trụ sở của tổ chức bảo lãnh còn nợ

a) Trường hợp người nộp thuế còn nợ đang kinh doanh tại địa chỉ đăng ký kinh doanh: thực hiện như nội dung làm việc tại trụ sở cơ quan hải quan.

b) Trường hợp người nộp thuế còn nợ không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh mà có cơ sở xác định địa chỉ hoạt động mới thì đến địa điểm mới tiến hành lập biên bản làm việc như trên.

c) Trường hợp người nộp thuế còn nợ không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh và cũng không xác định được địa chỉ hoạt động mới thì phối hợp với các cơ quan có liên quan (cơ quan Công an xã/phường, UBND xã/phường, cơ quan thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xác minh, truy tìm theo quy định. Trường hợp xác minh tại UBND xã/phường thì Lập biên bản theo mẫu số 15/BB-BKD ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

* Lưu ý:

- Trường hợp khi thu thập thông tin với cơ quan thuế, xác định người nộp thuế còn nợ có số tiền thuế GTGT còn được hoàn tại cơ quan thuế, cơ quan hải quan có văn bản gửi cơ quan thuế đề nghị thực hiện việc bù trừ số thuế GTGT được cơ quan thuế giải quyết hoàn với số nợ thuế do cơ quan hải quan quản lý.

- Trường hợp người nộp thuế còn có khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thì xử lý số tiền nộp thừa và bù trừ các khoản nợ theo quy định tại Điều 131, Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 64, 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

- Trường hợp tổ chức bảo lãnh không nộp tiền thuế, tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế khi hết thời hạn bảo lãnh theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo Đội, Lãnh đạo Chi cục duyệt ký văn bản gửi Cục Hải quan đề nghị thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dữ liệu điện tử cho các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc theo mẫu số 04/TBBLT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC, đồng thời đôn đốc người nộp thuế nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp vào NSNN.

Bước 5: Ghi nhận kết quả trong hồ sơ theo dõi nợ

Công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện:

1. Báo cáo Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kết quả làm việc với người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh còn nợ.
2. Lưu kèm Hồ sơ theo dõi nợ biên bản làm việc cùng người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh và các giấy tờ khác (nếu có).

Bước 6: Theo dõi thực hiện nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh

1. Khi người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh đã thực hiện nộp thuế, công chức cập nhật chứng từ nộp NSNN vào Hệ thống KTTTT và kết thúc hồ sơ theo dõi nợ thuế.
2. Trường hợp người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh chưa nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) vào NSNN thì công chức được giao quản lý nợ thuế thực hiện theo Chương II Phần II Quy trình này.

CHƯƠNG II

CƯƠNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ

Điều 8: Thu thập thông tin để chuẩn bị cưỡng chế

1. Nguồn thông tin về người nộp thuế: từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng; thông tin từ cơ quan quản lý thuế; thông tin trên Website Sở kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất; thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, thông tin do người nộp thuế cung cấp ...
2. Khai thác thông tin về người nộp thuế có tiền thuế nợ

Thông tin người nộp thuế được thu thập, cập nhật kịp thời đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan từ các tổ chức, cá nhân có liên quan theo trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế quy định tại Điều 97, Điều 98 Luật Quản lý thuế, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Xác minh thông tin về người nộp thuế

Công chức được phân công quản lý nợ thuế trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ thực hiện công tác xác minh thông tin để phục vụ cho các biện pháp cưỡng chế (tài khoản ngân hàng, lương/thu nhập của cá nhân, tài sản ...).

a) Cử cán bộ công chức xác minh trực tiếp.

b) Gửi văn bản đề nghị cung cấp thông tin.

c) Đối chiếu thông tin trên các Website của các cơ quan chức năng, thông tin, dữ liệu mức độ tin cậy của thông tin, dữ liệu, cơ sở pháp lý của thông tin.

4. Trên cơ sở khai thác, xác minh thông tin người nộp thuế, công chức được phân công quản lý nợ thuế cập nhật thông tin của người nộp thuế vào Hệ thống KTTTT để đảm bảo công tác theo dõi người nộp thuế.

Điều 9. Các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

1. Các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế; bao gồm:

a) Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định.

b) Người nộp thuế có tiền thuế nợ khi hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế.

c) Người nộp thuế có tiền thuế nợ có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn.

d) Người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt VPHC về quản lý thuế theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt VPHC về quản lý thuế, trừ trường hợp được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

đ) Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trước khi xuất cảnh và có thể bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

2. Cơ quan hải quan không thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với người nộp thuế theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 124 Luật Quản lý thuế; bao gồm:

a) Chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với trường hợp người nộp thuế được cơ quan quản lý thuế khoan tiền thuế nợ trong thời hạn khoan nợ; không tính tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế; được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế.

b) Không thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế có nợ phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.

Điều 10. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

1. Các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật Quản lý thuế; cụ thể:

a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản.

b) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.

c) Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

d) Ngừng sử dụng hóa đơn.

đ) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật.

e) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ.

g) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 125 Luật Quản lý thuế; cụ thể:

a) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan hải quan áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp.

b) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này, trường hợp không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trước thì cơ quan hải quan chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế sau.

c) Trường hợp quyết định cưỡng chế đối với một số biện pháp chưa hết hiệu lực nhưng không có hiệu quả mà cơ quan hải quan có đủ thông tin, điều kiện thì thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế trước đó hoặc biện pháp cưỡng chế tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Không áp dụng biện pháp dùng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật Quản lý thuế; cụ thể:

a) Hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, đối tượng không chịu thuế hoặc có mức thuế suất thuế xuất khẩu là 0%.

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ trực tiếp quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu trợ khẩn cấp; hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại.

Điều 11. Trình tự thực hiện biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản

Biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản áp dụng đối với người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác thực hiện theo quy định tại Điều 129 Luật Quản lý thuế và Điều 31 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện biện pháp trích tiền từ tài khoản

1. Căn cứ danh sách nợ thuế thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 9 Quy trình này và thông tin xác minh về tài khoản ngân hàng, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản hoặc yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo Mẫu số 01/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Lệnh thu NSNN Mẫu số C1-01/NS Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

Trường hợp người nộp thuế bị cưỡng chế có mở tài khoản tại nhiều tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước khác nhau thì dự thảo quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản đối với một tài khoản hoặc nhiều tài khoản, trường hợp cần thiết phải yêu cầu tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước phong tỏa các tài khoản còn lại của người nộp thuế tương ứng với số tiền bị cưỡng chế.

2. Nội dung Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản cần ghi rõ: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do bị cưỡng chế; số tiền bị cưỡng chế; số tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế; tên Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng nơi người nộp thuế bị cưỡng chế mở tài khoản; tên, địa chỉ, số tài khoản nộp NSNN mở tại Kho bạc Nhà nước; phương thức chuyển số tiền bị trích chuyển từ tổ chức tín dụng đến Kho bạc Nhà nước.

3. Trường hợp số dư trong tài khoản ít hơn số tiền mà người nộp thuế bị cưỡng chế phải nộp thì sau khi trừ đi số dư tối thiểu để duy trì tài khoản thì thực hiện cưỡng chế trích từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế nộp NSNN theo quy định.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý thì ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

a) Quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu chính hoặc giao trực tiếp.

b) Trường hợp Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp mà tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận thì người có thẩm quyền, công chức có trách nhiệm giao quyết định cưỡng chế lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận quyết định, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi tổ chức, cá nhân có địa chỉ đăng ký với cơ quan quản lý thuế thì được coi là quyết định đã được giao.

c) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người nộp thuế bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế, Cục Hải quan, Cục CNTT&TKHQ đăng tải Quyết định cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế đã gửi người nộp thuế có nợ kèm Hồ sơ theo dõi nợ và cập nhật quyết định cưỡng chế vào Hệ thống KTTTT.

Bước 4: Theo dõi Quyết định cưỡng chế

1. Cơ quan hải quan theo dõi việc thực hiện việc trích tiền của các Ngân hàng / Tổ chức tín dụng để nộp NSNN theo quyết định cưỡng chế

Khi người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh đã thực hiện nộp thuế, công chức cập nhật chứng từ nộp NSNN vào Hệ thống KTTTT và kết thúc hồ sơ theo dõi nợ thuế.

Cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

2. Trường hợp người nộp thuế/tổ chức bảo lãnh chưa nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) vào NSNN hoặc đã nộp nhưng còn thiếu thì công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế tiếp theo theo quy định để thu hồi nợ thuế vào NSNN.

Điều 12. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập

Biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật Quản lý thuế và Điều 32 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được áp dụng đối với người nộp thuế là cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được hưởng tiền lương, tiền công hoặc thu nhập tại một cơ quan, tổ chức theo biên chế hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ 06 tháng trở lên hoặc được hưởng trợ cấp hưu trí, mất sức. Trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập

1. Căn cứ danh sách nợ thuế thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 9 Quy trình này, thông tin về tiền lương và thu nhập của cá nhân là người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập theo Mẫu số 02/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Tỷ lệ khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

a) Chi khấu trừ một phần tiền lương, tiền công hoặc một phần thu nhập tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định cưỡng chế.

b) Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, tiền công hoặc thu nhập đối với cá nhân không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó; đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế, nhưng không quá 50% tổng số thu nhập.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý thì ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức được phân công quản lý nợ thuế chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

a) Quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu chính hoặc giao trực tiếp.

b) Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận thì người có thẩm quyền hoặc công chức có trách nhiệm giao quyết định cưỡng chế lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận quyết định, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi tổ chức, cá nhân có địa chỉ đăng ký với cơ quan quản lý thuế thì được coi là quyết định đã được giao.

c) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người nộp thuế bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

d) Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế, Cục Hải quan, Cục CNTT&TKHQ đăng tải Quyết định cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế đã gửi người nộp thuế có nợ kèm Hồ sơ theo dõi nợ và cập nhật quyết định cưỡng chế vào Hệ thống KTTTT.

Bước 4: Theo dõi Quyết định cưỡng chế

1. Cơ quan hải quan theo dõi việc thực hiện trích lương hoặc thu nhập do các đơn vị trả lương hoặc thu nhập chi trả để nộp NSNN theo quyết định cưỡng chế.

Công chức cập nhật chứng từ nộp NSNN vào Hệ thống KTTTT theo quy định. Khi số tiền thực hiện trích lương hoặc thu nhập đã nộp đủ tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định, công chức được phân công theo dõi nợ thuế báo cáo Lãnh đạo và kết thúc hồ sơ theo dõi nợ thuế.

Cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

2. Trường hợp người nộp thuế chưa nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) vào NSNN hoặc đã nộp nhưng còn thiếu thì công chức được phân công quản lý nợ thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế tiếp theo theo quy định để thu hồi nợ thuế vào NSNN.

Điều 13. Cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng trong trường hợp người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật Quản lý thuế và Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Căn cứ danh sách nợ thuế thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 9 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo

Quyết định cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu số 03/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Quyết định cưỡng chế cần ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; số quyết định, căn cứ pháp lý ban hành quyết định; lý do cưỡng chế, họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; tên, địa chỉ của đối tượng bị cưỡng chế; số tiền thuế nợ chưa nộp chi tiết theo từng tờ khai hải quan, vụ việc; tổng số tiền bị cưỡng chế; tên, địa chỉ, số tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thời hạn thi hành; chữ ký của người ban hành quyết định, dấu của cơ quan ban hành quyết định.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

a) Quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu chính hoặc giao trực tiếp.

b) Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận thì người có thẩm quyền hoặc công chức có trách nhiệm giao quyết định cưỡng chế lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận quyết định, có xác nhận của chính quyền địa phương thì được coi là quyết định đã được giao.

c) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người nộp thuế bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao

3. Quyết định cưỡng chế được gửi đến đối tượng bị cưỡng chế và thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế vào Hồ sơ theo dõi nợ và cập nhật quyết định vào Hệ thống KTTTT.

Lưu ý: Cơ quan hải quan không thực hiện áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp theo khoản 3 Điều 10 Quy trình này.

Bước 4: Theo dõi Quyết định cưỡng chế

1. Cơ quan hải quan theo dõi việc thực hiện dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để người nộp thuế nộp tiền thuế nợ vào NSNN theo quy định.

Công chức cập nhật chứng từ nộp NSNN vào Hệ thống KTTTT theo quy định. Khi số tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) đã nộp đủ vào NSNN theo quy định, công chức được phân công theo dõi nợ thuế báo cáo Lãnh đạo và kết thúc hồ sơ theo dõi nợ thuế.

Cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

2. Trường hợp người nộp thuế chưa nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp (nếu có) vào NSNN hoặc đã nộp nhưng còn thiếu thì công chức phân công quản lý nợ thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế tiếp theo theo quy định để thu hồi nợ thuế vào NSNN.

Điều 14. Tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan

Tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ tại Cục Hải quan, Cục KTSTQ

1. Bộ phận văn thư Cục Hải quan, Cục KTSTQ khi tiếp nhận văn bản, hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan của người nộp thuế gửi, có trách nhiệm đóng dấu công văn đến; ghi rõ ngày tiếp nhận; vào sổ công văn đến và chuyển ngay trong ngày hoặc chậm nhất là trong ngày làm việc tiếp theo cho Phòng Thuế XNK hoặc Phòng Nghiệp vụ hoặc Phòng chức năng theo phân công để phân công xử lý văn bản.

2. Lãnh đạo Phòng Thuế XNK hoặc Phòng Nghiệp vụ hoặc Phòng chức năng theo phân công có trách nhiệm phân công công chức xử lý ngay trong ngày nhận hồ sơ.

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan tại Cục Hải quan, Cục KTSTQ

1. Công chức được phân công xử lý hồ sơ thực hiện rà soát điều kiện, hồ sơ theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; cụ thể như sau:

a) Người nộp thuế được tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a.1) Không còn nợ tiền thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt của các lô hàng khác.

a.2) Người nộp thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng đối với lô hàng đang làm thủ tục hải quan.

a.3) Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt người nộp thuế đang còn nợ phải được bảo lãnh theo quy định.

b) Hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan:

b.1) Văn bản đề nghị của người nộp thuế về tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan, Cục KTSTQ nơi phát sinh khoản nợ bị cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan .

b.2) Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ.

2. Công chức được phân công xử lý hồ sơ kiểm tra đối chiếu số tiền thuế nợ trên Hệ thống KTTTT.

Bước 3: Xử lý hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan tại Cục Hải quan, Cục KTSTQ

1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc hồ sơ đã đầy đủ nhưng chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Bước 2 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập phiếu đề xuất, dự thảo văn bản gửi người nộp thuế biết để hoàn chỉnh hồ sơ hoặc rà soát các điều kiện theo quy định.

2. Trường hợp đã đủ hồ sơ, đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Bước 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ công chức được phân công xử lý hồ sơ đề xuất dự thảo văn bản gửi Tổng cục Hải quan trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục KTSTQ duyệt ký.

3. Phê duyệt đề xuất

a) Lãnh đạo Phòng kiểm tra đối chiếu hồ sơ và đề xuất của công chức:

a.1) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào phiếu đề xuất và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng.

a.2) Trường hợp đồng ý duyệt ký theo văn bản đề xuất để trình Lãnh đạo Cục Hải quan.

b) Lãnh đạo Cục Hải quan kiểm tra đề xuất của công chức:

b.1) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào phiếu đề xuất và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Cục Hải quan.

b.2) Trường hợp đồng ý duyệt ký theo đề xuất.

4. Ban hành văn bản

Khi nhận lại hồ sơ đã được Lãnh đạo Cục Hải quan, Cục KTSTQ phê duyệt công chức được phân công xử lý hồ sơ thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp thông báo cho người nộp thuế: chuyển văn bản đến bộ phận văn thư để phát hành, gửi văn bản cho người nộp thuế đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan bổ sung hồ sơ, hoàn thiện để đáp ứng các điều kiện theo quy định.

b) Trường hợp chuyển Tổng cục Hải quan xem xét trình Bộ theo quy định: chuyển văn bản đến bộ phận văn thư để phát hành, gửi Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) đề nghị trình Bộ xem xét tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan (kèm hồ sơ); lưu văn bản và hồ sơ (bản chụp) theo quy định.

Bước 4: Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan tại Tổng cục Hải quan

1. Tiếp nhận hồ sơ do Cục Hải quan, Cục KTSTQ gửi

a) Văn phòng Tổng cục Hải quan tiếp nhận văn bản và hồ sơ do Cục Hải quan gửi; đóng dấu công văn đến; ghi rõ ngày tiếp nhận hồ sơ; vào sổ công văn đến; chuyển ngay trong ngày hoặc chậm nhất là trong ngày làm việc tiếp theo cho Cục Thuế XNK để xử lý theo quy định.

b) Văn thư Cục Thuế XNK ngay sau khi nhận được văn bản và hồ sơ do văn thư Tổng cục Hải quan, Cục KTSTQ chuyển đến, chuyển công văn và hồ sơ đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan cho Phòng Dự toán - quản lý thu ngân sách để phân công công chức xử lý trong ngày làm việc hoặc chậm nhất không quá 01 ngày làm việc kể từ lúc tiếp nhận.

2. Kiểm tra hồ sơ đề nghị

Công chức được phân công xử lý hồ sơ thực hiện rà soát hồ sơ do Cục Hải quan, Cục KTSTQ gửi và thực hiện theo Bước 2 Điều này.

3. Xử lý hồ sơ

a) Trường hợp bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ đã đầy đủ nhưng phải hoàn thiện để đáp ứng các điều kiện theo quy định thì công chức được phân công xử lý hồ sơ lập phiếu đề xuất, dự thảo văn bản gửi Cục Hải quan, Cục KTSTQ trong đó nêu rõ lý do hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng Dự toán - Quản lý thu ngân sách, Lãnh đạo Cục Thuế XNK duyệt ký thông báo Cục Hải quan, Cục KTSTQ để hoàn thiện hồ sơ, điều kiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện để được xem xét tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan theo quy định thì công chức được phân công xử lý hồ sơ lập phiếu đề xuất, dự thảo tờ trình báo cáo

Bộ, dự thảo văn bản của Bộ Tài chính để tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan, dự thảo văn bản lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có).

c) Trên cơ sở ý kiến các đơn vị tham gia, hoàn thiện tờ trình báo cáo Bộ Tài chính, dự thảo văn bản của Bộ Tài chính để tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan.

4. Phê duyệt đề xuất

a) Lãnh đạo Phòng Dự toán - Quản lý thu ngân sách kiểm tra hồ sơ, đề xuất của công chức:

a.1) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào Tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng.

a.2) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Cục Thuế XNK.

b) Lãnh đạo Cục Thuế XNK kiểm tra hồ sơ, đề xuất của Phòng:

b.1) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào Tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Cục.

b.2) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan.

c) Lãnh đạo Tổng cục Hải quan kiểm tra hồ sơ, đề xuất của Cục Thuế XNK:

c.1) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào Tờ trình và trả lại hồ sơ để Cục Thuế XNK thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục Hải quan.

c.2) Trường hợp đồng ý ký văn bản theo đề xuất.

Thời hạn xử lý tại điểm 2, 3, 4 Bước này tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 5: Ban hành văn bản đi

1. Khi nhận lại hồ sơ đã được Lãnh đạo phê duyệt, công chức được phân công xử lý hồ sơ thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ: chuyển văn bản đến bộ phận văn thư để phát hành, gửi Cục Hải quan, Cục KTSTQ; lưu văn bản và hồ sơ theo quy định.

b) Trường hợp đồng ý, chuyển tờ trình, dự thảo công văn tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan để trình Bộ Tài chính ký duyệt.

2. Sau khi nhận được công văn kèm bút phê của Bộ Tài chính

a) Trường hợp Bộ Tài chính không đồng ý, công chức được phân công xử lý hồ sơ dự thảo công văn gửi Cục Hải quan hoặc Cục KTSTQ, báo cáo Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành văn bản trả lời.

b) Trường hợp Bộ Tài chính đồng ý tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan nơi ban hành quyết định cưỡng chế căn cứ văn bản của Bộ Tài chính để tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan. Văn bản tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan thực hiện theo Mẫu số 03-1/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Bước 6: Theo dõi việc thực hiện tạm dừng áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan của người nộp thuế

Cục Hải quan, Cục KTSTQ lưu hồ sơ, theo dõi việc thực hiện tạm dừng áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan của người nộp thuế. Trường hợp kết thúc thời gian tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan, người nộp thuế không thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN thì bị xử phạt theo quy định.

Điều 15. Trình tự thực hiện biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của cơ quan thuế

Biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của cơ quan thuế quy định tại khoản 8 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Tiếp nhận, lập hồ sơ theo đề nghị của cơ quan thuế

1. Bộ phận văn thư Cục Hải quan khi tiếp nhận văn bản, hồ sơ đề nghị dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan thuế gửi có trách nhiệm đóng dấu công văn đến; ghi rõ ngày tiếp nhận; vào sổ công văn đến và chuyển ngay trong ngày hoặc chậm nhất là trong ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày đóng dấu công văn đến cho Phòng Thuế XNK hoặc Phòng Nghiệp vụ để xử lý văn bản.

2. Lãnh đạo Phòng Thuế XNK hoặc Phòng Nghiệp vụ có trách nhiệm phân công công chức xử lý ngay trong ngày nhận hồ sơ.

Bước 2: Xử lý hồ sơ theo đề nghị của cơ quan thuế

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, công chức được phân công xử lý hồ sơ căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan thuế lập tờ trình, dự thảo Quyết định cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 03-1/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan.

Bước 3: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Cục Hải quan.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Cục Hải quan.

b) Trường hợp đồng ý ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 4: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế và cơ quan đề nghị.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế, Cục Hải quan, Cục CNTT&TKHQ đăng tải Quyết định cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế theo quy định.

5. Trường hợp cơ quan thuế có văn bản thông báo với cơ quan hải quan để chấm dứt biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

Điều 16. Trình tự thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn

Cơ quan hải quan có văn bản đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn

Công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo văn bản gửi cơ quan thuế thực hiện biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục KTSTQ.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký văn bản theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Ban hành văn bản

Sau khi Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ phê duyệt, ký văn bản, công chức chuyển văn bản để bộ phận văn thư để phát hành theo quy định.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Văn bản cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, lưu vào hồ sơ theo dõi nợ thuế.

Bước 4: Theo dõi việc thực hiện cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn

1. Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục KTSTQ có trách nhiệm theo dõi và phối hợp với cơ quan thuế để thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định.

2. Khi nhận được Quyết định cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn hoặc Thông báo của cơ quan thuế việc không áp dụng được biện pháp cưỡng chế, công chức được phân công xử lý nợ thuế lưu Quyết định hoặc thông báo vào hồ sơ theo dõi nợ, cập nhật trên Hệ thống KTTTT.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu đủ số tiền thuế nợ vào NSNN cơ quan hải quan có văn bản thông báo với cơ quan thuế để chấm dứt việc thực hiện biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

Điều 17. Trình tự thực hiện biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên

Biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định tại Điều 133 Luật Quản lý thuế, Điều 35 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên

1. Công chức được phân công quản lý nợ thuế đề xuất thực hiện xác minh tài sản để áp dụng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

2. Công chức được phân công quản lý nợ thuế dự thảo văn bản gửi người nộp thuế bị cưỡng chế hoặc gửi cho cơ quan quản lý tại địa bàn nơi người nộp thuế đóng trụ sở hoặc các cơ quan liên quan để xác minh tài sản của người bị cưỡng chế, trình Lãnh đạo Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục hoặc trình Lãnh đạo Phòng báo cáo Lãnh đạo Cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục KTSTQ.

Trường hợp xác minh có tài sản, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập đề xuất các thủ tục tiến hành thẩm định, dự kiến số tiền thu được sau khi bán đấu giá tài sản kê biên, trường hợp xác định số tiền thu được không đủ bù đắp chi phí cưỡng chế thì công chức lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo chuyển sang cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác theo quy định.

Bước 2: Đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế

1. Căn cứ thông tin xác minh tài sản thực hiện tại Bước 1 Điều này, công chức được phân công quản lý nợ thuế dự thảo tờ trình, Quyết định theo mẫu số 05/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

2. Nội dung Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên cần ghi rõ: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do bị cưỡng chế; số tiền bị cưỡng chế; thời gian, địa điểm kê biên tài sản; loại tài sản kê biên; đặc điểm tài sản kê biên; tên, địa chỉ, số tài khoản nộp NSNN mở tại Kho bạc Nhà nước; phương thức chuyển số tiền bị cưỡng chế đến Kho bạc Nhà nước.

Bước 3: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 4: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

a) Quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp

chưa đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu chính hoặc giao trực tiếp.

b) Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận thì người có thẩm quyền hoặc công chức có trách nhiệm giao quyết định cưỡng chế lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận quyết định, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi tổ chức, cá nhân có địa chỉ đăng ký với cơ quan quản lý thuế thì được coi là quyết định đã được giao.

c) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người nộp thuế bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế, Cục Hải quan, Cục CNTT&TKHQ đăng tải Quyết định cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế đã gửi người nộp thuế có nợ kèm Hồ sơ theo dõi nợ, theo dõi việc thực hiện quyết định cưỡng chế, cập nhật vào Hệ thống KTTTT.

Bước 5: Theo dõi thực hiện Quyết định cưỡng chế

1. Theo dõi việc thực hiện Quyết định cưỡng chế, thu tiền bán đấu giá tài sản để nộp thuế.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kê biên tài sản, người nộp thuế bị cưỡng chế không nộp đủ tiền thuế nợ thì cơ quan quản lý thuế thực hiện bán đấu giá tài sản kê biên thông qua tổ chức có thẩm quyền bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thu hồi tiền thuế nợ.

Thủ tục kê biên, bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

2. Trường hợp số tiền thuế nợ đã được nộp đủ vào NSNN, cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

Điều 18. Trình tự thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ

Biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ theo quy định tại Điều 134 Luật Quản lý thuế, Điều 36 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ

1. Công chức được phân công xử lý nợ thuế đề xuất xác minh thông tin mà bên thứ ba đang nắm giữ tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế để thực hiện biện pháp thu tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

2. Công chức được phân công xử lý nợ thuế soạn thảo văn bản gửi cho bên thứ ba đang nắm giữ tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế.

Bước 2: Đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế

1. Trên cơ sở thông tin về tiền và tài sản mà bên thứ ba đang nắm giữ, công chức được phân công quản lý nợ thuế dự thảo tờ trình, Quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ theo Mẫu số 06/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

2. Nội dung Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên cần ghi rõ: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do bị cưỡng chế; số tiền bị cưỡng chế; tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức, cá nhân đang nắm giữ tiền, tài sản của người nộp thuế bị cưỡng chế; tên, địa chỉ, số tài khoản nộp NSNN mở tại Kho bạc Nhà nước; phương thức chuyển số tiền bị cưỡng chế đến Kho bạc Nhà nước.

Bước 3: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 4: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký Quyết định cưỡng chế, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành Quyết định theo quy định.

Trường hợp Quyết định cưỡng chế được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Quyết định cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

a) Quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu chính hoặc giao trực tiếp.

b) Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận thì người có thẩm quyền hoặc công chức có trách nhiệm giao quyết định cưỡng chế lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận quyết định, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi tổ chức, cá nhân có địa chỉ đăng ký với cơ quan quản lý thuế thì được coi là quyết định đã được giao.

c) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân bị cưỡng chế

hoặc có căn cứ cho rằng người nộp thuế bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế, Cục Hải quan, Cục CNTT&TKHQ đăng tải Quyết định cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan.

4. Công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định cưỡng chế đã gửi người nộp thuế kèm Hồ sơ theo dõi nợ, theo dõi việc thực hiện quyết định cưỡng chế, cập nhật vào Hệ thống KTTTT.

Bước 5: Theo dõi thực hiện Quyết định cưỡng chế

1. Trường hợp cưỡng chế tài sản của người nộp thuế, công chức được phân công quản lý nợ thuế đề xuất thực hiện biện pháp cưỡng chế kê biên, bán đấu giá tài sản để thu tiền nộp thuế theo trình tự tại Điều 17 Quy trình này.

2. Trường hợp số tiền thuế nợ đã được nộp đủ vào NSNN, cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

Điều 19. Trình tự thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề

Biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 135 Luật Quản lý thuế, Điều 37 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề

1. Công chức được phân công xử lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo mẫu số 07/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

2. Văn bản đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải có một số nội dung chủ yếu sau: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận văn bản; thông tin của người nộp thuế bị cưỡng chế: tên, mã số thuế, địa chỉ đăng ký kinh doanh; loại giấy tờ đề nghị thu hồi; các thông tin liên quan đến loại giấy tờ đề nghị thu hồi (số, ngày tháng năm ban hành...); lý do thu hồi; thời gian đề nghị cơ quan ban hành thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý ký Quyết định theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký văn bản, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành văn bản theo quy định.

Trường hợp văn bản được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển Văn bản cưỡng chế đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

Bước 4: Theo dõi việc thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề

1. Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục KTSTQ có trách nhiệm theo dõi và phối hợp với cơ quan cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề khi có yêu cầu.

2. Khi nhận được Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, công chức được phân công quản lý nợ thuế lưu Quyết định vào hồ sơ theo dõi nợ, cập nhật vào Hệ thống KTTT.

Bước 5: Theo dõi thực hiện Quyết định cưỡng chế

Công chức được phân công quản lý nợ thuế có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện biện pháp cưỡng chế. Trường hợp số tiền thuế nợ đã được nộp đủ vào NSNN, cơ quan hải quan ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế theo Điều 23 và Điều 24 Quy trình này.

Điều 20. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

1. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính; cụ thể:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm.

b) Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá.

c) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.

d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành

chính. Chỉ áp dụng các biện pháp tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.

b) Tổng cục Hải quan, Cục KTSTQ, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Chi cục Hải quan thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này tương tự Điều 12, 17 và Điều 18 Quy trình này.

c) Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 33, 34 và Điều 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

Điều 21. Đối tượng áp dụng thông báo tạm hoãn xuất cảnh

Biện pháp tạm hoãn xuất cảnh thực hiện theo quy định tại Điều 66, 124 Luật Quản lý thuế; Điều 21 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; bao gồm:

1. Cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là doanh nghiệp thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Điều 22. Trình tự thực hiện thông báo tạm hoãn xuất cảnh

Bước 1. Lập đề xuất thực hiện thông báo tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ danh sách nợ thuế của đối tượng bị cưỡng chế, các biện pháp cưỡng chế đã thực hiện, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo văn bản theo Mẫu số 01/XC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đồng thời gửi cho người nộp thuế biết.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng.

b) Trường hợp đồng ý ký trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ.

b) Trường hợp đồng ý thì ký văn bản theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi Lãnh đạo Chi cục Hải quan hoặc Lãnh đạo Cục Hải quan, Lãnh đạo Cục KTSTQ phê duyệt, ký văn bản, công chức chuyển văn bản để bộ phận văn thư để phát hành theo quy định.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển văn bản đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, lưu vào hồ sơ theo dõi nợ thuế.

Văn bản tạm hoãn xuất cảnh được gửi qua đường bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử nếu đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp văn bản gửi cho người nộp thuế qua đường bưu chính mà bị trả lại và văn bản đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế thì được coi là văn bản đã được gửi.

Việc tạm hoãn xuất cảnh được thực hiện theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh.

Bước 4: Theo dõi việc thực hiện tạm hoãn xuất cảnh

1. Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục KTSTQ có trách nhiệm theo dõi và phối hợp.

2. Khi nhận được Quyết định cưỡng chế tạm hoãn xuất cảnh, công chức lưu Quyết định vào hồ sơ theo dõi nợ.

Trường hợp số tiền thuế nợ đã được nộp đủ vào NSNN, cơ quan hải quan gửi văn bản thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh.

Điều 23. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của biện pháp cưỡng chế, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

1. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của Biện pháp cưỡng chế:

- a) Người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế nợ và tiền chậm nộp (nếu có).
- b) Số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần tiền thuế nợ;
- c) Số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định gia hạn nộp thuế nợ;
- d) Số tiền chậm nộp bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định miễn tiền chậm nộp tiền thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

2. Thời hạn tạm hoãn xuất cảnh kết thúc khi:

- a) Người nộp thuế chấp hành xong nghĩa vụ nộp NSNN theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (không ban hành Quyết định gia hạn tạm hoãn xuất cảnh).
- b) Người nộp thuế có số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan hải quan ban hành quyết định nộp dần tiền thuế nợ hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp tiền thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

Điều 24. Trình tự thực hiện chấm dứt hiệu lực các biện pháp cưỡng chế, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

Bước 1: Lập đề xuất thực hiện chấm dứt hiệu lực của biện pháp cưỡng chế, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ các trường hợp chấm dứt hiệu lực các biện pháp cưỡng chế, bỏ tạm hoãn xuất cảnh tại Điều 23 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo quyết định hoặc văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh, cụ thể:

1. Đối với các biện pháp do cơ quan hải quan ban hành quyết định theo Điều 11, 12, 17 và Điều 18 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo Quyết định việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế theo Mẫu số 08/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Đối với các biện pháp do cơ quan hải quan ban hành quyết định theo Điều 13, 15 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo Quyết định việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế theo Mẫu số 04/CCHQ Phụ lục I ban hành kèm theo Quy trình này.

2. Trường hợp cưỡng chế thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Điều 16 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự

thảo văn bản thông báo với cơ quan thuế để chấm dứt việc thực hiện biện pháp cưỡng ngừng sử dụng hóa đơn.

3. Trường hợp áp dụng biện pháp thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Điều 19 Quy trình này, công chức được phân công quản lý nợ thuế lập tờ trình, dự thảo văn bản đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp theo Mẫu số 07-1/CC Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP gửi cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Đội.

b) Trường hợp đồng ý duyệt ký, trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

b) Trường hợp đồng ý duyệt ký văn bản theo đề xuất.

Bước 3: Ban hành văn bản

1. Sau khi lãnh đạo phê duyệt, ký văn bản, công chức chuyển bộ phận văn thư để phát hành văn bản theo quy định.

Trường hợp văn bản được gửi bằng hình thức điện tử thì cơ quan hải quan thực hiện gửi trên Cổng thông tin điện tử của ngành hải quan hoặc trên thư điện tử của người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế.

2. Bộ phận văn thư thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đi” theo quy định và chuyển văn bản đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định; công chức lưu Quyết định vào hồ sơ theo dõi nợ.

CHƯƠNG III

PHÂN LOẠI TIỀN THUẾ NỢ

Trong quá trình đơn đốc thu hồi nợ, căn cứ thông tin thu thập, các tiêu chí quy định tại Chương I Phần II Quy trình này, kết quả thực hiện các biện pháp cưỡng chế quy định tại Chương II Phần II Quy trình này, công chức thực hiện phân loại nợ vào Hệ thống KTTTT theo trình tự sau:

Điều 25. Phân loại nhóm nợ khó thu

Bước 1: Lập đề xuất phân loại nợ

1. Căn cứ thông tin về người nộp thuế đã được thu thập

a) Nợ của người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự chưa có quyết định khoan nợ, hồ sơ đề nghị xóa nợ

a.1) Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch hoặc văn bản xác nhận về việc người nộp thuế đã chết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế chết;

a.2) Quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố một người mất tích, mất năng lực hành vi dân sự.

b) Nợ của người nộp thuế đang trong quá trình giải thể gồm: số tiền nợ của người nộp thuế đã thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp nhưng chưa thanh toán nợ theo quy định của pháp luật

b.1) Thông tin về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b.2) Thông báo của cơ quan quản lý thuế về người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b.3) Văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề về tình trạng người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể.

c) Nợ của người nộp thuế đang trong thời gian làm thủ tục phá sản gồm: số tiền nợ của người nộp thuế đã có quyết định phá sản doanh nghiệp hoặc đang trong thời gian làm thủ tục phá sản doanh nghiệp nhưng chưa làm các thủ tục xử lý nợ theo quy định của pháp luật (trường hợp chưa đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ).

c.1) Thông báo của Tòa án có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

c.2) Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án.

c.3) Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp của Tòa án.

d) Nợ của người nộp thuế đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự, thụ lý hoặc chờ kết luận của cơ quan pháp luật, chưa thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế. Văn bản của cơ quan điều tra thông tin người nộp thuế đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự, thụ lý hoặc chờ kết luận của cơ quan pháp luật.

đ) Nợ của người nộp thuế nhập khẩu linh kiện xe hai bánh gắn máy theo tỷ lệ nội địa hóa năm 2001, 2002.

e) Nợ của người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa điểm kinh doanh: căn cứ một trong các văn bản sau:

e.1) Biên bản của cơ quan hải quan với chính quyền địa phương xác nhận việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh.

e.2) Văn bản của chính quyền địa phương xác nhận việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh.

e.3) Thông báo người nộp thuế không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký của cơ quan thuế.

e.4) Thông tin tra cứu về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên website của các cơ quan chức năng (in màn hình kết quả tra cứu trên website, lưu vào hồ sơ theo dõi nợ).

g) Nợ khó thu khác: gồm các khoản tiền nợ quá hạn quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, không thuộc điểm a đến đ nêu trên, cơ quan hải quan đã áp dụng biện pháp cưỡng chế cuối cùng là đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo quy định tại Luật Quản lý thuế nhưng không thu hồi được tiền nợ (trường hợp chưa đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ).

2. Công chức được phân công theo dõi nợ thuế đối chiếu về tiêu chí phân loại nợ tại Điều 4 Quy trình này để trình phân loại sang nhóm nợ khó thu.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Đội.

b) Trường hợp đồng ý thì duyệt ký, trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

b) Trường hợp đồng ý thì duyệt ký theo đề xuất.

Bước 3: Theo dõi, cập nhật phân loại nợ

1. Ngay khi Lãnh đạo phê duyệt đề xuất phân loại nợ, công chức được phân công theo dõi nợ thuế có trách nhiệm cập nhật phân loại nợ thuế trên Hệ thống KTTTT theo quy định.

2. Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục KTSTQ căn cứ thông tin doanh nghiệp để phân loại nợ kịp thời từ nhóm nợ khó thu sang nhóm nợ khác.

Trường hợp phân loại lại vào nhóm nợ có khả năng thu thì cơ quan hải quan tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định tại Chương I và Chương II Phần II Quy trình này.

Điều 26. Phân loại thuộc nhóm nợ được khoan

Căn cứ quyết định khoan nợ, công chức được phân công cập nhật vào Hệ thống KTTTT theo quy định tại Quy trình khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp ban hành kèm theo Quyết định số 3009/QĐ-TCHQ ngày 19/11/2021 của Tổng cục Hải quan để phân loại nhóm nợ được khoan.

Trường hợp phân loại lại vào nhóm nợ có khả năng thu thì cơ quan hải quan tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định tại Điều 125 Luật Quản lý thuế.

Điều 27. Phân loại thuộc nhóm nợ chờ xử lý

Bước 1: Lập đề xuất phân loại nợ

Căn cứ hồ sơ của người nộp thuế đã gửi, đang trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế; trong giai đoạn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang giải quyết khiếu nại, công chức được phân công theo dõi nợ thuế lập tờ trình chuyển nhóm nợ thuế từ các nhóm nợ khác sang nhóm nợ chờ xử lý.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Đội hoặc Lãnh đạo Phòng kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để công chức thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Đội.

b) Trường hợp đồng ý thì duyệt ký, trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Lãnh đạo Chi cục Hải quan kiểm tra đề xuất của công chức:

a) Trường hợp không đồng ý thì ghi rõ lý do, ý kiến vào tờ trình và trả lại hồ sơ để Lãnh đạo Đội thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục Hải quan.

b) Trường hợp đồng ý thì duyệt ký theo đề xuất.

Bước 3: Theo dõi, cập nhật phân loại nợ

1. Ngay khi Lãnh đạo phê duyệt đề xuất phân loại nợ, công chức được phân công theo dõi nợ thuế có trách nhiệm cập nhật phân loại nợ thuế trên Hệ thống KTTTT theo quy định.

2. Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục KTSTQ căn cứ thông tin doanh nghiệp để phân loại nợ kịp thời từ nhóm nợ chờ xử lý sang nhóm nợ khác.

Trường hợp phân loại lại vào nhóm nợ có khả năng thu thì cơ quan hải quan tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định tại Chương I và Chương II Phần II Quy trình này.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thuế xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm: tổ chức thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra trong toàn ngành hải quan việc thực hiện các quy định tại Quy trình này theo đúng quy định.

2. Cục Hải quan có trách nhiệm: hướng dẫn, đôn đốc các Chi cục Hải quan có các khoản nợ còn tồn đọng thực hiện quy trình này, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy trình này thuộc các Chi cục Hải quan, đề xuất xử lý kịp thời các vướng mắc, phát sinh khi triển khai thực hiện.

3. Cục KTSTQ, Cục Điều tra chống buôn lậu có trách nhiệm: đôn đốc các khoản nợ còn tồn đọng thực hiện quy trình này, đề xuất xử lý kịp thời các vướng mắc, phát sinh khi triển khai thực hiện.

4. Chi cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Quy trình này tại đơn vị mình theo đúng quy định.

b) Phân công, giao chỉ tiêu thu hồi nợ cho công chức chịu trách nhiệm xử lý từng khoản nợ cụ thể, hướng dẫn công chức kiểm tra các khoản nợ đọng tại Chi cục Hải quan, lập hồ sơ theo đúng các quy định của Quy trình này.

c) Đề xuất xử lý kịp thời các vướng mắc, phát sinh khi triển khai thực hiện.

4. Công chức được phân công xử lý có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các quy định tại Quy trình này.

b) Chấp hành sự phân công, chỉ đạo, kiểm tra của lãnh đạo phụ trách.

5. Văn Phòng TCHQ và các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện nội dung quy định có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 29. Chế độ báo cáo

Cục Hải quan, Cục KTSTQ, Cục Điều tra chống buôn lậu có trách nhiệm tổng hợp số liệu tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo tháng và báo cáo về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) trước ngày 12 hàng tháng.

Cục Thuế XNK có trách nhiệm tổng hợp số liệu nợ thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của toàn ngành. /o/

Phụ lục I

**DANH MỤC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH QUẢN LÝ NỢ
THUẾ VÀ KHOẢN THU KHÁC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU,
NHẬP KHẨU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2317/QĐ-TCHQ** ngày **24** tháng 10
năm 2022 của **Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan**)

STT	Số hiệu	Về việc	Ghi chú
1	Mẫu số 01/HS	Phiếu theo dõi hồ sơ nợ	
2	Mẫu số 02/GM	Giấy mời	
3	Mẫu số 03/BB	Biên bản	
4	Mẫu số 04/CCHQ	Quyết định về việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan	

Handwritten signature

Mẫu số 01/HS

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng...năm 20...

PHIẾU THEO DÕI HỒ SƠ NỢ

1/ Thông tin Người nộp thuế:

- Tên Người nộp thuế:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ DN:
- Điện thoại, địa chỉ e-mail, website:
- Số giấy phép ĐKKD:
- Người đại diện pháp luật của DN:
- Số CMND/căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại:
- Số Tài khoản, Ngân hàng:
- Tiền lương/Thu nhập:
- Tài sản:
- Tình trạng hoạt động (đã giải thể, phá sản, đã bỏ khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh, còn hoạt động):

2/ Thông tin nợ thuế:

- Chứng từ thể hiện số tiền thuế nợ, ngày...tháng...năm (Số tờ khai Hải quan/ danh sách tờ khai/Quyết định phạt VPHC/ Quyết định ấn định thuế,):
- Tổng số tiền thuế nợ:

3. Các biện pháp thực hiện:

STT	Tiêu chí	Đã thực hiện (Ghi rõ số, ngày Biên bản/Công văn/Quyết định)	Kết quả
I. Đơn đốc thu hồi nợ:			

1	- Gửi Thông báo nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác/ giấy mời		
2	- Lập biên bản đối chiếu công nợ, Biên bản làm việc		
3	- Đôn đốc/Xác minh Người đại diện pháp luật		
4	- Xác minh người nộp thuế (tại địa phương/Công an/Cơ quan chức năng/Website)		
5	- Xác minh thông tin phục vụ cưỡng chế (tài khoản ngân hàng/tiền lương/thu nhập/tài sản...)		
II. Biện pháp cưỡng chế			
1	- Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản; yêu cầu phong tỏa tài khoản.		
2	Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập:		
3	Cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan:		
4	Cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn		
5	Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên, bán đấu giá tài sản		
6	Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ		
7	Cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		

III. Biện pháp khác			
1	Tạm hoãn xuất cảnh		
IV. Khoanh nợ/Xóa nợ			
1	Khoanh nợ		
2	Xóa nợ		

4/ Công chức thực hiện:

Công chức được phân công quản lý nợ

Họ tên: NGUYỄN VĂN A

Số hiệu công chức:

Nay chuyển công tác qua đơn vị:

Bàn giao hồ sơ nợ lại đồng chí:

Họ tên: NGUYỄN VĂN B

Ngày tháng năm 20...
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Công chức tiếp nhận tiếp tục quản lý nợ

Họ tên: NGUYỄN VĂN B

Số hiệu công chức:

Ghi chú:

Nhận bàn giao hồ sơ nợ từ đồng chí:

Họ tên: NGUYỄN VĂN A

Ngày tháng năm 20...
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn B

Mẫu số 02/GM

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v ...

..., ngày tháng...năm 20...

GIẤY MỜI

Kính gửi:

- Tên người nộp thuế
- Mã số thuế
- Địa chỉ

Căn cứ tình hình nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan hải quan (Cục Hải quan..., Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL hoặc Chi cục Hải quan...) trân trọng kính mời người đại diện pháp luật của... (tên người nộp thuế) đến làm việc tại cơ quan hải quan (Cục Hải quan..., Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL hoặc Chi cục Hải quan...) để đối chiếu tiền thuế nợ.

Thời gian: ...

Địa điểm: ...

Bộ phận liên hệ:

Số điện thoại:

Khi đến làm việc, đề nghị mang theo tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu (nếu đăng ký tờ khai hải quan giấy), giấy nộp tiền vào NSNN (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan.

Cơ quan hải quan (Cục Hải quan..., Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL hoặc Chi cục Hải quan...) trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03/BB

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBLV

..., ngày tháng...năm 20...

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi..... giờngày..... tháng năm.....

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1/ Chức vụ:..... Đơn vị

2/Chức vụ: Đơn vị

Đã làm việc với đại diện Công ty do các Ông (Bà):

1/ Ông (Bà): Chức vụ:

2/ Ông (Bà): Chức vụ:

Nội dung làm việc:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào
hồigiờ..... ngày..... tháng.....năm

Biên bản được lập thành bản; mỗi bản gồm tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho Ông (Bà) 01 (một) bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 04/CCHQ

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành
quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ...**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày... tháng ... năm ... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng ... năm ... của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ của người nộp thuế hoặc Quyết định nộp dân/gia hạn/miễn tiền chậm nộp/thông báo không tính tiền chậm nộp sốngày... tháng ... năm ... của....;

Căn cứ văn bản giao quyền sốngày... tháng ... năm ... của ... (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hiệu lực của quyết định sốngày tháng ... năm ... của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp đối với ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)....., mã số thuế:, địa chỉ.....

Điều 2. ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*..., ... *(Tên cá nhân, tổ chức có liên quan - nếu có)*... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày⁽¹⁾.

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được gửi cho ông (bà)/tổ chứcđể thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1.để
2.để

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- (để phối hợp);
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hải quan;
- ...
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ngày đối tượng bị cưỡng chế nộp đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước; hoặc ngày cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

Phụ lục II

DANH MỤC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN ĐỐC THU HỒI NỢ THUẾ VÀ KHOẢN THU KHÁC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2317** /QĐ-TCHQ ngày **24** tháng 10 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)



STT	Số hiệu	Về việc	Ban hành theo văn bản
1	Mẫu số 01/TXNK	Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu	Thông tư số 06/2021/TT-BTC
2	Mẫu số 01/CC	Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
3	Mẫu số 01-1/CC	Cung cấp thông tin	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
4	Mẫu số 02/CC	Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
5	Mẫu số 03/CC	Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
6	Mẫu số 03-1/CC	Tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Handwritten signature

7	Mẫu số 05/CC	Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
8	Mẫu số 06/CC	Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
9	Mẫu số 07/CC	Đề nghị thu hồi giấy...	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
10	Mẫu số 07-1/CC	Đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
11	Mẫu số 08/CC	Chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ...	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
12	Mẫu số 09/CC	Giao quyền ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
13	Mẫu số: 01/XC	Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
14	Mẫu số: 02/XC	Thông báo về việc gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
15	Mẫu số: 15/BB-BKD	Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký	Thông tư 105/2020/TT-BTC
16	Mẫu số 04/TBBLT/TXNK	Thông báo về bảo lãnh tiền thuế	Thông tư 39/2018/TT-BTC

Mẫu số 01/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-...

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO**Về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu**Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính,⁽¹⁾Cơ quan hải quan⁽²⁾ thông báo:

.....⁽³⁾ còn nộp thiếu tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai
số... ngày... tháng... năm... đăng ký tại.../Quyết định số... ngày... tháng... năm... là:
..... đồng.

1. Nội dung thông báo về số tiền thuế còn thiếu:

- Số tiền thuế phải nộp/bảo lãnh:đồng;

- Số tiền thuế đã nộp:đồng;

- Số tiền thuế còn thiếu:đồng, chi tiết bao gồm các khoản thuế

phải nộp như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Sắc thuế	Số tiền
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
4	Thuế giá trị gia tăng	
...	...	
	Tổng cộng	

2. Nội dung thông báo về số tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu:

- Tổng số tiền thuế chậm nộp/bị phạt:đồng;

- Số ngày chậm nộp/bị phạt:ngày;

- Mức tính tiền chậm nộp/bị phạt:

- Tổng số tiền chậm nộp/tiền phạt phải nộp:đồng;

- Số tiền chậm nộp/tiền phạt đã nộp:đồng;

- Số tiền chậm nộp/tiền phạt còn thiếu:đồng.

Đề nghị⁽³⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt trên vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Cơ quan hải quan⁽²⁾ thông báo để⁽³⁾ biết và thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh);
- Lưu: VT, ...

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (2) Tên cơ quan hải quan ra thông báo.
- (3) Tên người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh).

Mẫu số 01/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế
bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của
đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Điều 31 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Quyết định số... ngày... của... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;*

*Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ...
tháng ... năm ... của ...;*

Căn cứ văn bản giao quyền số ngày... (nếu có);

Theo đề nghị của....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản đối với: ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., địa chỉ..., mã số thuế:mở tại ... (Tên Kho bạc Nhà nước/Tổ chức tín dụng)... để thi hành ... (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

Yêu cầu ... (Tên Kho bạc Nhà nước/Tổ chức tín dụng)... trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản số ... của ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)...;

Điều 2. ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. ...*(Tên Kho bạc Nhà nước/Tổ chức tín dụng)*... có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản/phong toả tài khoản đối với số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này để nộp vào tài khoản số.....mở tại kho bạc

Trường hợp số tiền trên tài khoản của ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... nhỏ hơn số tiền trên Quyết định cưỡng chế thì ...*(Tên Kho bạc Nhà nước/Tổ chức tín dụng)*... vẫn phải trích số tiền còn lại sau khi trừ đi số dư tối thiểu để duy trì tài khoản và tiếp tục theo dõi, trích tiếp số tiền phát sinh có trên tài khoản của người nộp thuế trong thời gian quyết định có hiệu lực. Ngay trong ngày trích nộp tiền vào ngân sách nhà nước, ...*(Tên Kho bạc Nhà nước/Tổ chức tín dụng)*... thông báo cho cơ quan quản lý thuế (bộ phận quản lý nợ) theo địa chỉ email ..., số điện thoại....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày.....đến ngày.....

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hải quan;
-;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 01-1/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUANBAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng... năm ...

V/v cung cấp thông tin

Kính gửi:...(Tên người nộp thuế/Tên tổ chức tín dụng)...

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều 31 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:; địa chỉ kinh doanh

...(Tên cơ quan quản lý thuế).... đề nghị cung cấp các thông tin về tài khoản của...(Tên người nộp thuế) ... để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản theo quy định, bao gồm:

1. Số và ký hiệu các tài khoản mở tại...(Tên tổ chức tín dụng)....; số tiền hiện có (số dư) của các tài khoản tại thời điểm cung cấp thông tin.

2. Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Đề nghị...(Tên người nộp thuế)/(Tên tổ chức tín dụng).... gửi văn bản cung cấp thông tin tại điểm 1 và 2 nêu trên trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản này. Văn bản cung cấp thông tin gửi về...(Tên cơ quan quản lý thuế) theo địa chỉ: ...

...(Tên cơ quan quản lý thuế).... sẽ có trách nhiệm bảo mật các thông tin của đơn vị đã cung cấp theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế
bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày...tháng....năm... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập đối với: ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., địa chỉ..., mã số thuế:để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của;

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

Điều 2....(Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập) ..., địa chỉ: có trách nhiệm khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập của ...(Tên người



nộp thuế bị cưỡng chế)... để nộp vào ngân sách nhà nước theo tài khoản số.....mở tại kho bạc

Điều 3. ...(*Tên người nộp thuế bị cưỡng chế*)... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày.....đến ngày.....

Quyết định có ... trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hải quan;
-;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định sốngàytháng....năm... củaquy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ đề nghị thi hành Quyết định hành chính quản lý thuếngày tháng năm của tại văn bản số (nếu có);

Căn cứ văn bản giao quyền số(nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế), địa chỉ....., mã số thuế: để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

Điều 2. ...(*Tên người nộp thuế bị cưỡng chế*) ... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ... đến ngày Quyết định chấm dứt hiệu lực kể từ khi tiền thuế nợ được nộp đủ vào ngân sách nhà nước.

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cơ quan thuế (nếu có);
- Trang thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- ;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03-1/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục
hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Xét đề nghị của(Tên, mã số thuế người nộp thuế bị cưỡng chế) tại văn bản
số ngày ... tháng ... năm*

*Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại văn bản số ngày ... tháng ... năm
....*

Căn cứ văn bản giao quyền số(nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế),
địa chỉ....., mã số thuế:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các
trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Cơ quan thuế (nếu có);
- Trang thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- ;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế
bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều 35 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên đối với: ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., địa chỉ..., mã số thuế:để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:))

Thời gian thực hiện cưỡng chế:.....

Địa điểm thực hiện cưỡng chế:.....

Điều 2. ...(*Tên người nộp thuế bị cưỡng chế*)... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này và chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày.....đến ngày.....

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- ... (để phối hợp);
- (để báo cáo);
-;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/Hải quan;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế
bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế
do tổ chức, cá nhân khác đang giữ**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Điều 36 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Quyết định số ngày...tháng...năm... của quy định về chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng
chế;*

*Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ...
tháng ... năm ... của;*

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị
cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ đối với: ...(Tên người nộp thuế bị

cưỡng chế)..., địa chỉ..., mã số thuế:để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

...(Tên, mã số thuế, địa chỉ trụ sở/nơi cư trú của tổ chức/cá nhân đang nắm giữ tiền, tài sản)... của ... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế).....

Điều 2.... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế).... và ...(Tên tổ chức/cá nhân đang nắm giữ tiền, tài sản)... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ... đến ngày

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- (để phối hợp);
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/Hải quan;
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... .., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thu hồi giấy ...⁽¹⁾

Kính gửi:...(Tên cơ quan cấp giấy ...).

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:; địa chỉ:..;

...(Tên cơ quan quản lý thuế)... đề nghị quý cơ quan thực hiện biện pháp thu hồi giấy ... của ...(Tên đối tượng bị cưỡng chế)..., mã số thuế:, địa chỉ:.....

Lý do đề nghị thu hồi:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của ...(Tên cơ quan quản lý thuế)..... (Tên cơ quan cấp giấy)... phải ban hành quyết định thu hồi giấy...hoặc thông báo cho ...(Tên cơ quan quản lý thuế)... về lý do không thu hồi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(Tên người nộp thuế).....;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Mẫu số 07-1/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUANBAN HÀNH VĂN BẢN

Số: ...

V/v đề nghị khôi phục tình trạng
pháp lý của doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày tháng... năm ...

Kính gửi:...(Tên cơ quan cấp giấy ...)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số;

Căn cứ Điều 37 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ văn bản đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp số...
ngày ... tháng ... năm ... của...(Tên người nộp thuế).....;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế).....,
mã số thuế:, địa chỉ...;

...(Tên cơ quan quản lý thuế)... đề nghị quý cơ quan thực hiện khôi phục tình
trạng pháp lý cho ...(Tên người nộp thuế)... , mã số thuế:; địa chỉ.....

Lý do khôi phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên người nộp thuế;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 08/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành
quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày... tháng ... năm ... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng ... năm ... của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ của người nộp thuế hoặc Quyết định nộp dân/gia hạn/miễn tiền chậm nộp/thông báo không tính tiền chậm nộp sốngày... tháng ... năm ... của....;

Căn cứ văn bản giao quyền sốngày... tháng ... năm ... của ... (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hiệu lực của quyết định sốngày tháng ... năm ... của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp đối với ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)....., mã số thuế:, địa chỉ.....

Điều 2. ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*..., ... *(Tên cá nhân, tổ chức có liên quan - nếu có)*... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày⁽¹⁾.

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được gửi cho ông (bà)/tổ chứcđể thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1.để

2.để

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- (để phối hợp);
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hải quan;
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ngày đối tượng bị cưỡng chế nộp đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước; hoặc ngày cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

Mẫu số 09/CC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao quyền ban hành quyết định cưỡng chế thi hành
quyết định hành chính về quản lý thuế**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số.... ngày... tháng ... năm ... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Tôi: Chức vụ: Đơn vị:

Giao quyền cho ông/bà: Chức vụ: Đơn vị:.....

Lý do giao quyền:⁽¹⁾

Nội dung giao quyền:⁽²⁾

Được thực hiện các thẩm quyền của⁽³⁾ quy định tại Chương VII Nghị định số kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm⁽⁴⁾

Ông/bà⁽⁵⁾ phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước người giao quyền và trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu: VT, ...

NGƯỜI GIAO QUYỀN

(Ghi rõ chức vụ, ký tên, ghi họ tên
và đóng dấu (nếu có))

(1). Ghi rõ lý do (vắng mặt);

(2). Ghi rõ nội dung giao quyền;

(3). Ghi rõ chức danh của người giao quyền;

(4). Ghi rõ thời gian giao quyền;

(5). Ghi họ tên người được giao quyền

Mẫu số: 01/XC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TBXC-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc tạm hoãn xuất cảnh

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

... (Tên cơ quan quản lý thuế) ... thông báo:

1. Tạm hoãn xuất cảnh:

Đối với: Ông/Bà/(chữ in hoa).....; Giới tính:.....

Các tên khác (nếu có):.....

Quốc tịch hiện nay:.....⁽¹⁾; Giấy tờ tùy thân:.....⁽²⁾Nơi cư trú hiện nay:⁽³⁾

Nghề nghiệp.....; Nơi làm việc:.....

2. Lý do tạm hoãn xuất cảnh:

3. Thời gian tạm hoãn xuất cảnh:.....⁽⁴⁾

4. Cơ quan/Cán bộ được giao xử lý:.....Điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông/Bà (tại điểm 1 Thông báo);
- Các bộ phận/đơn vị có liên quan (nếu có);
- Trang thông tin điện tử Cục thuế/hải quan;
- Lưu: VT.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp người không có quốc tịch thì ghi rõ “không”; nếu chưa xác định được quốc tịch thì ghi “không rõ”.

(2) Đối với người nước ngoài thì ghi rõ loại giấy tờ: hộ chiếu, giấy thông hành/giấy tờ đi lại quốc tế.....số.....; đối với công dân Việt Nam ghi rõ CMND/CCCD/Hộ chiếu số.....

(3) Đối với công dân Việt Nam: ghi địa chỉ thường trú/tạm trú/nơi ở hiện nay; đối với người nước ngoài đang ở Việt Nam: ghi địa chỉ đang tạm trú.

(4) Đối với công dân Việt Nam ghi: từ ngày...tháng...năm ...đến khi người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước; đối với người nước ngoài ghi: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm....

Mẫu số: 15/BB-BKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**XÁC MINH TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ TẠI
 ĐỊA CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ**

Vàogiờ....., ngày tháng năm

Thành phần gồm:

- Đại diện chính quyền địa phương (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):.....

+ Ông (bà):.....

- Đại diện cơ quan thuế (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):.....

+ Ông (bà):.....

Lập Biên bản xác minh về tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế như sau:

- Tên người nộp thuế.....; Mã số thuế:.....

- Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số, cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp

.....
 - Đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:.....

Chức vụ ...; CMND/CCCD/Hộ chiếu số:....; ngày cấp ... Cơ quan cấp:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế cấp ngày .../.../...; cơ quan cấp

- Địa chỉ đã đăng ký:.....

Tại thời điểm xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký (số nhà....., đường phố/xóm/ấp/thôn.....,



phường/xã/thị trấn, tỉnh, thành phố), Tổ công tác ghi nhận kết quả xác minh thực tế như sau: (ghi kết quả xác minh)

Đại diện cơ quan thuế
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nộp thuế cam kết có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký⁽¹⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Đại diện cơ quan⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND phường/xã/thị trấn xác nhận nội dung nêu tại biên bản này là đúng thực tế⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đại diện cơ quan⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- (1) Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.
- (2) Trường hợp người nộp thuế không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Cơ quan chính quyền địa phương xác nhận kết quả xác minh vào Biên bản để cơ quan thuế có căn cứ xử lý tiếp theo quy định.

Mẫu số 04/TBBLT/TXNK

TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về bảo lãnh tiền thuế

Căn cứ Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại Điều ... Thông tư số.....ngày...../...../.....của Bộ Tài chính;

Chi cục Hải quan..... (tên cơ quan hải quan ra thông báo) thông báo:

Thư bảo lãnh số ngày.../.../... của (tên, mã số thuế, mã số CITAB tổ chức tín dụng).

Đơn vị được bảo lãnh là:(tên người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế), mã số thuế

1. Phần thông báo về không chấp nhận Thư bảo lãnh

Không đáp ứng đủ các tiêu chí và yêu cầu theo quy định (nêu rõ tiêu chí và yêu cầu chưa đáp ứng theo quy định).

Chi cục Hải quan..... từ chối Thư bảo lãnh trên và thông báo đề..... (tên người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế) được biết.

2. Phần thông báo về không chấp nhận bảo lãnh của tổ chức tín dụng trên toàn quốc

Đến ngày..... tháng.....năm.....đã quá thời hạn bảo lãnh của tờ khai số..... nhưng(tên tổ chức tín dụng) không thực hiện đúng cam kết theo quy định.



Chi cục Hải quanthông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết và không chấp nhận(tên tổ chức tín dụng) được thực hiện bảo lãnh thuế trên toàn quốc./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế;
- Tổ chức tín dụng phát hành thư bảo lãnh;
- Cục HQ các tỉnh, TP (gửi đối với trường hợp không chấp nhận bảo lãnh trên toàn quốc);
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu)